

## 6. Tân ngữ (complement / object) và các vấn đề liên quan

### 6.1 Động từ dùng làm tân ngữ

Không phải bất cứ động từ nào trong tiếng Anh cũng đều đòi hỏi tân ngữ đứng sau nó là một danh từ. Một số các động từ lại đòi hỏi tân ngữ sau nó phải là một động từ khác. Động từ dùng làm tân ngữ được chia làm hai loại:

#### 6.1.1. Loại 1: Động từ nguyên thể làm tân ngữ (to + verb)

- Bảng dưới đây là những động từ đòi hỏi tân ngữ sau nó là một động từ nguyên thể khác.

agree	desire	hope	plan	strive
attempt	expect	intend	prepare	tend
claim	fail	learn	pretend	want
decide	forget	need	refuse	wish
demand	hesitate	offer	seem	

John expects to begin studying law next semester.

Mary learned to swim when she was very young.

The committee decided to postpone the meeting.

The president will attempt to reduce inflation rate.

- Trong câu phủ định, thêm not vào trước động từ làm tân ngữ:  
John decided not to buy the car.

#### 6.1.2. Loại 2: Động từ Verb-ing dùng làm tân ngữ

- Bảng dưới đây là những động từ đòi hỏi tân ngữ theo sau nó phải là một Verb-ing

admit	enjoy	suggest
appreciate	finish	consider
avoid	miss	mind
can't help	postpone	recall
delay	practice	risk
deny	quit	repeat
resist	resume	resent

John admitted stealing the jewels.

We enjoyed seeing them again after so many years.

You shouldn't risk entering that building in its present condition.

He was considering buying a new car until the prices went up.

The Coast Guard has reported seeing another ship in the Florida Straits.

- Trong câu phủ định, thêm not vào trước Verb-ing.  
John regretted not buying the car.
- Lưu ý rằng trong bảng này có mẫu động từ can't help doing/ but do smt có nghĩa 'không thể dừng được phải làm gì'  
With such good oranges, we can't help buying two kilos at a time.

### 6.1.3 Bảng dưới đây là những động từ mà tân ngữ sau nó có thể là một động từ nguyên thể hoặc một verb-ing mà ngữ nghĩa không thay đổi.

begin	continue	hate	love	start
can't stand	dread	like	prefer	try

He started to study after dinner = he started studying after dinner.

Lưu ý rằng trong bảng này có một động từ *can't stand to do/doing smt*: không thể chịu đựng được khi phải làm gì.

He can't stand to wait (waiting) such a long time.

### 6.1.4 Bốn động từ đặc biệt

Đó là những động từ mà ngữ nghĩa của chúng sẽ đổi khác hoàn toàn khi tân ngữ sau nó là một động từ nguyên thể hoặc verb-ing.

1a) Stop to do smt: dừng lại để làm gì

He stoped to smoke = Anh ta dừng lại để hút thuốc.

1b) Stop doing smt: dừng làm việc gì

He stoped smoking = Anh ta đã bỏ thuốc.

2a) Remember to do smt: Nhớ sẽ phải làm gì

Remember to send this letter. = Hãy nhớ gửi bức thư này nhé.

2b) Remember doing smt: Nhớ là đã làm gì

I remember locking the door before leaving, but now I can't find the key.

Đặc biệt nó thường được dùng với mẫu câu: S + still remember + V-ing : Vẫn còn nhớ là đã...

I still remember buying the first motorbike

3a) Forget to do smt: quên sẽ phải làm gì

I forgot to pickup my child after school = Tôi quên không đón con.

3b) Forget doing smt: (quên là đã làm gì). Đặc biệt nó thường được dùng với mẫu câu S + will never forget + V-ing: sẽ không bao giờ quên được là đã ...

She will never forget meeting the Queen = Cô ấy không bao giờ quên lần gặp Nữ hoàng

4a) Regret to do smt: Lầy làm tiếc vì phải làm gì (thường dùng khi báo tin xấu)

We regret to inform the passengers that the flight for Washington DC was canceled because of the bad weather.

4b) Regret doing smt: Lầy làm tiếc vì đã làm gì

He regrets leaving school early. It's the biggest mistake in his life.

### 6.1.5 Động từ đứng sau giới từ

Tất cả các động từ đứng ngay sau giới từ đều phải ở dạng V-ing.

#### 6.1.5.1 Verb + preposition + verb-ing

Sau đây là bảng các động từ có giới từ theo sau, vì vậy các động từ khác đi sau động từ này phải dùng ở dạng verb-ing.

Verb + prepositions + V-ing			
approve of be better of count on depend on	give up insist on keep on put off	rely on succeed in think about think of	worry about object to look forward to confess to

John gave up smoking because of his doctor's advice.

He insisted on taking the bus instead of the plane.

Hery is thinking of going to France next year.

Fred confessed to stealing the jewels

Chú ý rằng ở 3 động từ cuối cùng trong bảng trên, có giới từ *to* đi sau động từ. Đó là giới từ chứ không phải là *to* trong động từ nguyên thể (to do st), nên theo sau nó phải là một verb-ing chứ không phải là một verb nguyên thể.

We are not looking forward to going back to school.

Jill objected to receiving the new position.

He confessed to causing the fire.

#### 6.1.5.2 Adjective + preposition + verb-ing:

Adjective + prepositions + V-ing			
accustomed to afraid of	intent on interested in	capable of fond of	successful in tired of

Mitch is afraid of getting married now.

We are accustomed to sleeping late on weekends.

I am fond of dancing.

We are interested in seeing this film.

#### 6.1.5.3 Noun + preposition + verb-ing:

Noun + prepositions + V-ing			
choice of excuse for	intention of method for	possibility of reason for	(method of)

There is no reason for leaving this early.

George has no excuse for dropping out of school.

There is a possibility of acquiring this property at a good price.  
He has developed a method for evaluating this problem.

### Các trường hợp khác:

Trong các trường hợp khác, động từ đi sau giới từ cũng phải ở dạng verb-ing.

After leaving the party, he drove home.

He should have stayed in New York instead of moving to Maine.

### 6.1.6 Động từ đi sau tính từ:

Nói chung, nếu động từ *đi ngay sau tính từ* (không có giới từ) thì được dùng ở *dạng nguyên thể*.  
Những tính từ đó bao gồm.

anxious	eager	pleased	usual
boring	easy	prepared	common
dangerous	good	ready	difficult
hard	strange	able	

It is dangerous to drive in this weather.

Mike is anxious to see his family.

We are ready to leave now.

It is difficult to pass this test.

**Chú ý:** *able* và *capable* có nghĩa như nhau nhưng cách dùng khác nhau:  
(able/ unable) to do smt = (capable/ incapable) of doing smt.

## 6.2 Đại từ đứng trước động từ nguyên thể hoặc V-ing trong tân ngữ

### 6.2.1 Trường hợp tân ngữ là động từ nguyên thể

Trong trường hợp tân ngữ là động từ nguyên thể (loại 1) thì bất cứ danh từ hay đại từ nào trực tiếp đứng trước nó cũng phải ở dạng tân ngữ (complement form).

Joe asked her to call him.

S + V + {pronoun/ noun in complement form} + [to + verb] ...
--

Sau đây là một số động từ đòi hỏi tân ngữ là một động từ nguyên thể có đại từ làm tân ngữ gián tiếp.

allow	convince	invite	persuade	remind
ask	expect	order	prepare	urge
beg	instruct	permit	promise	want

We ordered him to appear in court.

I urge you to reconsider your decision.

They were trying to persuade **him** to change his mind.  
The teacher permitted **them** to turn their assignments in late.  
You should prepare **your son** to take this examination.

### 6.2.2 Trường hợp tân ngữ là V-ing

Trong trường hợp tân ngữ là một V- ing thì đại từ/danh từ phải ở dạng sở hữu.

Subject + verb + {pronoun/ noun}(possessive form) + verb-ing...
--

We understand **your** not being able to stay longer.  
We object to **their** calling at this hour.  
He regrets **her** leaving.  
We are looking forward to **their** coming next year.  
We don't approve of **John's** buying this house.  
We resent **the teacher's** not announcing the test sooner.